

TỔNG CÔNG TY
HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC – MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 350/CBTT – DMCS

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 6 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC– Miền Nam

- Mã chứng khoán: DMS
- Địa chỉ: 24/8 đường Lê Thánh Tông, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 0254 3832036 Fax: 0254 3832084
- E-mail: dmcvt@pvchem.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Nam trân trọng công bố thông tin: Hợp đồng kiểm toán số 191/2025/HĐKT-AFCVN ngày 26/6/2025 giữa Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC- Miền Nam và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam về việc Kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Nam.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/6/2025 tại đường dẫn <http://www.dmcs.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Trưởng BKS;
- CBTT: Website, UBCKNN, HNX;
- Lưu: VT, TCHC.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY DMC-MIỀN NAM
GIÁM ĐỐC



Mai Văn Duy

Số: 191/2025/HĐKT-AFCVN

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ Phần Hóa Phẩm Dầu Khí DMC – Miền Nam

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định về hoạt động thương mại;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ Phần Hóa Phẩm Dầu Khí DMC – Miền Nam và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Hôm nay, ngày 26 tháng 6 năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC – MIỀN NAM

Người đại diện	: Ông MAI VĂN DUY
Chức vụ	: Giám đốc
Địa chỉ	: Số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại	: (84.254) 383 2036
Fax	: (84.254) 383 2084
Tài khoản tiền Việt Nam số	: 110000017169
Tại Ngân hàng	: TMCP Công Thương VN, Chi Nhánh Vũng Tàu
Mã số thuế	: 3 5 0 0 8 5 0 3 9 2

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Người đại diện	: Bà ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Chức vụ	: Tổng Giám đốc
Địa chỉ	: Tòa nhà Indochina Park Tower, Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (028) 2 2200 237
Email	: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn
Fax	: (028) 22 200 265
Tài khoản tiền Việt Nam số	: 007.1.00.007801.4
Tại Ngân hàng Ngoại Thương – CN Thành phố Hồ Chí Minh	
Mã số thuế	: 0 3 0 0 4 4 8 9 9 5

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận và ký kết hợp đồng gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của bên A, bao gồm: Kiểm toán báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của bên A. Bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của bên A

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và xác nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc".

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có trình độ năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết quan trọng trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Bên A sẽ thực hiện kế hoạch kiểm toán theo đúng nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu của Bên A.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

3.1 Sau khi hoàn tất việc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp và phát hành chính thức cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính theo VAS cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của bên A.
Báo cáo kiểm toán được lập thành 8 (tám) bộ tiếng Việt. Bên A giữ 7 (bảy) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ.
- Thư quản lý kèm theo (nếu có) đề cập tới các mặt hạn chế cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, 705, 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

3.2 Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá phí nêu trên áp dụng theo tỷ lệ thuế VAT tại thời điểm hiện tại. Trường hợp thay đổi (nếu có), phí kiểm toán sẽ áp dụng tỷ lệ thuế VAT theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn và giá phí trước thuế không thay đổi.

4.3 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng ý kiến mà thương lượng không có kết quả, vụ việc sẽ được Tòa án kinh tế có thẩm quyền thụ lý và giải quyết. Trong thời gian chờ phán quyết của tòa án, các bên vẫn phải thực hiện đúng theo các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng này.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ một (01) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày cả hai bên có đủ chữ ký và đóng dấu Công ty.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành tất cả trách nhiệm của mỗi bên theo quy định tại hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



MAI VĂN DUY

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN